TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07/8/2017.
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Liêm.**

2. Bà **Ngô Khánh Vy.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Cẩm Minh**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Kim Thị Cẩm Hường** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 54/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lâm Thị Xuân D**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số 74/22/23, đường Đ, khóm 5, phường 7 , thành phố S, tỉnh S.

2. Bị đơn: Anh **Thạch Sa V**, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 205, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2017 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lâm Thị Xuân D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình và anh V không chung thủy. Chị D và anh V không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị D và anh V có 01 con chung tên Lâm Thiên P, sinh ngày 14/12/2013.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay chị Lâm Thị Xuân D yêu cầu Toà án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lâm Thị Xuân D yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Chị Lâm Thị Xuân D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lâm Thiên P, sinh ngày 14/12/2013 đến trưởng thành, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Thạch Sa V: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gởi thông báo thụ lý vụ án cho ông V biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và gởi thông báo hòa giải nhưng ông V không có văn bản trả lời, không tham gia hòa giải và cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị D và anh V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng lại không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình, anh V không chung thủy nên thường xuyên cự cải. Chị D và anh V không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2015 cho đến nay. Xét thấy, chị D và anh V sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn, thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng . Mặc khác, tại khoản 2 Điều 53 luật hôn nhân và gia đình, thì quan hệ hôn nhân của chị D và anh V không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Lâm Thị Xuân D và anh Thạch Sa V là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Lâm Thị Xuân D và anh Thạch Sa V có 01 người con chung Lâm Thiên P, sinh ngày 14/12/2013 hiện nay đang do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Thiên P cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Thạch Sa V cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy sau khi chị D và anh V không còn chung sống với nhau như vợ chồng thì cháu P chung sống với chị D, cuộc sống đang ổn định. Mặt khác chị D có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Lâm Thiên P cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị D không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lâm Thiên P nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016; chị Lâm Thị Xuân D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 14; khoản 2, Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Lâm Thị Xuân D và anh Thạch Sa V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Thiên P, sinh ngày 14/12/2013 cho chị Lâm Thị Xuân D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh Thạch Sa V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lâm Thị Xuân D không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lâm Thị Xuân D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006813 ngày 04/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhẫn

Nơi nhận
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *TAND tỉnh S;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*